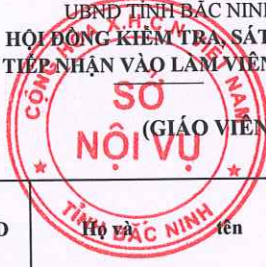


UBND TỈNH BẮC NINH
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH
TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIỆN CHỨC



DANH SÁCH KẾT QUẢ SÁT HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIỆN CHỨC
(GIÁO VIÊN MẦM NON HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2017/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH)

(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐ ngày 14/01/2026 của Hội đồng)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	0001	Hoàng Thị An	18/11/1990	Nữ	Mầm non Vôi số 1	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	7,71	66	
2	0002	Đoàn Thị An	24/02/1989	Nữ	Mầm non Vôi số 2	Xã Lạng Giang	Đại học	TB	2,47	48	
3	0003	Lê Thị Thúy An	10/08/1992	Nữ	Trường Mầm non Hoa Hồng	P. Bắc Giang	Đại học	Khá	2,82	92	
4	0004	Ngô Thị Anh	26/9/1995	Nữ	Trường Mầm non Phi Điền	Xã Lục Ngạn	Cao đẳng	Giỏi	3,31	36	
5	0005	Bùi Hồng Anh	21/03/1996	Nữ	Trường MN Tam Dị	Bào Đài	Cao đẳng	Giỏi	7,95	62	
6	0006	Nguyễn Thị Lan Anh	21/11/1991	Nữ	MN Tân Thanh	Mỹ Thái	Đại học	TBK	6,51	68	
7	0007	Nguyễn Thị Anh	05/10/1996	Nữ	MN Thái Đào	Xã Tân Dĩnh	Đại học	Khá	2,82	36	
8	0008	Nguyễn Thị Ngọc Anh	02/02/1997	Nữ	Trường MN Hồng Thái	Phường Việt Yên	Cao đẳng	Khá	2,98	72	
9	0009	Giáp Thị Vân Anh	28/04/1996	Nữ	MN Cao Xá	Tân Yên	Cao đẳng	Giỏi	8,18	96	
10	0010	Mã Thị Ngọc Anh	04/04/1997	Nữ	MN Đồng Tiến	Xuân Lương	Đại học	Giỏi	3,47	92	
11	0011	Đỗ Thị Ánh	16/07/1996	Nữ	Trường MN số 1	Phường Phương Sơn	Đại học	Khá	3,17	60	
12	0012	Nguyễn Thị Ân	28/02/1990	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	Giỏi	3,34	96	
13	0013	Nguyễn Thị Bắc	21/12/1987	Nữ	MN Lương Phong số 2	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Giỏi	8,02	72	
14	0014	Lục Thị Bé	28/03/1991	Nữ	Trường MN Đông Hưng	Đông Phú	Đại học	Khá	3,17	80	
15	0015	Đào Thị Bích	10/01/1992	Nữ	MN Quang Thịnh	Xã Kép	Cao đẳng	Xuất sắc	3,63	80	
16	0016	Phạm Thị Bích	28/02/1991	Nữ	Mầm Non Lương Văn Năm	Nhã Nam	Đại học	Giỏi	3,25	74	
17	0017	Lê Thị Bích	15/01/1996	Nữ	MN Mai Đình	Xuân Cầm	Cao đẳng	Giỏi	3,25	54	
18	0018	Lê Thị Cúc	23/03/1985	Nữ	Mầm non Vôi số 2	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	7,86	50	
19	0019	Dương Thị Cúc	19/09/1989	Nữ	MN Đại Lâm	Tân Dĩnh	Đại học	Khá	2,71	96	
20	0020	Hoàng Thị Kim Cúc	09/02/1987	Nữ	Trường MN Liên Chung	Phúc Hoà	Cao đẳng	Khá	7,88	84	
21	0021	Nguyễn Thị Hương	29/06/1995	Nữ	MN Ngọc Vân	Ngọc Thiệp	Đại học	Giỏi	3,32	96	
22	0022	Dương Thị Châm	25/9/1992	Nữ	MN Việt Tiến	P. Tụ Lạn	Đại học	Giỏi	3,33	90	
23	0023	Ngọc Thị Chi	27/10/1991	Nữ	Trường MN Thanh Hải số 2	Phường Chũ	Cao đẳng	Khá	3,17	38	
24	0024	Kiều Thị Chiêm	07/10/1981	Nữ	MN Bắc Lý	Xuân Cầm	Cao đẳng	Khá	7,68	62	
25	0025	Hoàng Thị Chiêm	25/05/1988	Nữ	MN Hoàng Hoa Thám	xã Yên Thế	Cao đẳng	Giỏi	8,06	60	
26	0026	Cao Thị Chiên	21/01/1993	Nữ	Mầm non Hương Lạc số 1	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	3,14	68	
27	0027	Nguyễn Thị Chinh	25/9/1994	Nữ	MN Đan Hội	Cầm Lý	Đại học	Giỏi	3,32	68	
28	0028	Hoàng Thị Chinh	13/07/1996	Nữ	Mầm non Hương Lạc số 1	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	2,92	72	
29	0029	Nguyễn Thị Chinh	21/11/1996	Nữ	MN Tiên Lục số 6	Tiên Lục	Cao đẳng	Khá	3,19	78	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
30	0030	Nguyễn Thị Chinh	20/01/1994	Nữ	Trường MN Phúc Hoà	Phúc Hoà	Đại học	Khá	3,07	72	
31	0031	Nguyễn Thị Chinh	22/10/1994	Nữ	MN Thái Sơn	Hợp Thịnh	Đại học	Khá	3,07	66	
32	0032	Nguyễn Thị Chinh	10/06/1993	Nữ	Trường MN Đồng Vương	Đồng Kỳ	Đại học	Giỏi	3,27	92	
33	0033	Nguyễn Thị Diễm	04/12/1995	Nữ	Trường MN Thanh Hải số 1	Phường Chũ	Đại học	TBK	6,58	74	
34	0034	Vũ Thị Diễm	01/07/1996	Nữ	MN Ngọc Lý	Tân Yên	Đại học	Khá	2,71	80	
35	0035	Nguyễn Thị Diễm	01/7/1994	Nữ	Trường MN Tiên Nha	Lục Nam	Đại học	Giỏi	3,26	54	
36	0036	Đoàn Thị Diễm	19/05/1986	Nữ	MN Hương Mai	P. Tụ Lạn	Cao đẳng	Khá	7,53	58	
37	0037	Nguyễn Thị Hồng	15/10/1994	Nữ	MN Tân Dĩnh	Tân Dĩnh	Đại học	TBK	6,59	36	
38	0038	Trần Huyền Diễm	02/02/1995	Nữ	Trường MN Hồng Giang	Phường Chũ	Cao đẳng	Khá	2,69	72	
39	0039	Đỗ Thị Kim Dung	23/08/1991	Nữ	Trường MN số 2	Phường Phụng Sơn	Cao đẳng	Giỏi	3,23	56	
40	0040	Hà Phương Dung	13/11/1993	Nữ	MN Quang Thịnh	Xã Kép	Cao đẳng	Khá	3,10	82	
41	0041	Phùng Thị Dung	12/03/1994	Nữ	MN Bắc Lý	Xuân Cầm	Cao đẳng	Giỏi	3,44	54	
42	0042	Giáp Thị Dung	10/06/1982	Nữ	MN Việt Lập	Tân Yên	Đại học	Khá	3,04	96	
43	0043	Lăng Thị Duyên	23/05/1994	Nữ	MN Biên Sơn	Biên Sơn	Đại học	Khá	3,06	48	
44	0044	Phạm Thị Duyên	24/12/1985	Nữ	Trường MN Chu Điện	Lục Nam	Cao đẳng	Giỏi	3,28	44	
45	0045	Bùi Thị Duyên	08/01/1992	Nữ	Mầm non Vôi số 1	Xã Lạng Giang	Đại học	TBK	6,62	66	
46	0046	Hà Thị Duyên	05/06/1993	Nữ	Mầm non Hương Lạc số 1	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	3,11	50	
47	0047	Phan Thị Duyên	24/08/1991	Nữ	Trường MN Đồng Phúc	Xã Đồng Việt	Cao đẳng	Khá	2,68	58	
48	0048	Lăng Thị Dự	23/01/1992	Nữ	MN Phong Vân	Biên Sơn	Cao đẳng	Xuất sắc	3,85	50	
49	0049	Nguyễn Thị Đại	24/6/1990	Nữ	MN Hương Lâm	Xuân Cầm	Cao đẳng	Giỏi	3,25	22	
50	0050	Vũ Thị Bích Đào	21/07/1979	Nữ	Trường MN số 1	Phường Phụng Sơn	Đại học	Khá	3,03	52	
51	0051	Đỗ Thị Diễm	26/10/1988	Nữ	MN Đoàn Bái số 1	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Khá	3,14	62	
52	0052	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	05/8/1994	Nữ	MN Xuân Lương	Xuân Lương	Cao đẳng	Giỏi	8,06	72	
53	0053	Lê Thị Định	20/09/1993	Nữ	Mầm non Vôi số 1	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,70	66	
54	0054	Trần Thị Đoàn	18/02/1990	Nữ	MN Kép	Xã Kép	Cao đẳng	Giỏi	3,54	76	
55	0055	Nguyễn Thị Giang	25/02/1995	Nữ	MN Tân Thanh	Mỹ Thái	Cao đẳng	Giỏi	3,24	46	
56	0056	Mai Thị Giang	20/05/1987	Nữ	MN Tiên Lục số 6	Tiên Lục	Đại học	TBK	6,21	42	
57	0057	Nguyễn Thị Giang	23/09/1985	Nữ	Trường MN Đức Giang	Xã Đồng Việt	Cao đẳng	Khá	7,06	42	
58	0058	Trần Mỹ Giang	11/9/1996	Nữ	MN Đồng Tiến	Xuân Lương	Cao đẳng	Khá	7,91	40	
59	0059	Hoàng Thị Hà	05/06/1994	Nữ	Trường Mầm non Hoa Sữa	Sơn Động	Cao đẳng	Giỏi	8,05	60	
60	0060	Ngô Thu Hà	05/05/1995	Nữ	Trường mầm non Đồng Cốc	Xã Lục Ngạn	Đại học	Khá	2,96	96	
61	0061	Phạm Thị Hà	05/3/1990	Nữ	Trường MN Ngọc Thiện số 1	Ngọc Thiện	Cao đẳng	Giỏi	8,01	80	

X.H.C.
SỞ
HỘI
H BẮC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
62	0062	Nguyễn Thị Hà	19/05/1985	Nữ	MN Lương Phong số 1	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	2,92	62	
63	0063	Đặng Thị Thu Hà	10/11/1995	Nữ	MN Hoàng Lương	xã Hoàng Vân	Cao đẳng	TBK	6,96	38	
64	0064	Trần Thị Hà	24/06/1986	Nữ	Trường MN Hồng Thái	Phường Việt Yên	Cao đẳng	Khá	7,48	48	
65	0065	Trần Thị Hà	06/03/1993	Nữ	MN Nénh	Phường Nénh	Đại học	giỏi	3,33	56	
66	0066	Nguyễn Thu Hà	12/11/1997	Nữ	Trường Mầm non Ngô Quyền	P. Bắc Giang	Đại học	Khá	2,62	90	
67	0067	Dương Mỹ Hải	22/09/1986	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,80	66	
68	0068	Hoàng Thị Hải	15/08/1984	Nữ	Mầm non Hương Lạc số 1	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	TBK	6,74	72	
69	0069	Lê Thị Hồng Hạnh	04/08/1995	Nữ	MN Hoàng Thanh	xã Hoàng Vân	Cao đẳng	Khá	3,10	40	
70	0070	Vi Thị Hạnh	10/09/1989	Nữ	MN Tân Yên	Tân Yên	Cao đẳng	Giỏi	8,37	92	
71	0071	Hoàng Thị Hạnh	20/06/1984	Nữ	Trường MN Đồng Vương	Đồng Kỳ	Cao đẳng	Giỏi	8,41	96	
72	0072	Nguyễn Bích Hào	23/03/1995	Nữ	MN Hoàng Ninh	Phường Nénh	Đại học	Giỏi	3,33	76	
73	0073	Trần Thị Hằng	01/02/1990	Nữ	Mầm non Vôi số 2	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,70	62	
74	0074	Phan Thị Bích Hằng	16/09/1996	Nữ	Mầm non Vôi số 2	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,89	90	
75	0075	Lương Thị Hằng	20/03/1994	Nữ	Mầm non Xương Lâm	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,94	80	
76	0076	Nguyễn Kim Hằng	30/10/1992	Nữ	Mầm non Xương Lâm	Xã Lạng Giang	Đại học	Giỏi	3,29	80	
77	0077	Ngô Thị Thu Hằng	02/10/1995	Nữ	MN Tân Dĩnh	Tân Dĩnh	Cao đẳng	Khá	2,94	96	
78	0078	Nguyễn Thị Hằng	06/05/1990	Nữ	MN Hợp Thịnh	Hợp Thịnh	Đại học	Khá	3,05	40	
79	0079	Lương Thị Hằng	19/04/1996	Nữ	MN Hoàng Ninh	Phường Nénh	Cao đẳng	Khá	3,13	66	
80	0080	Vũ Thị Hằng	17/7/1992	Nữ	MN Quảng Minh	Vân Hà	Đại học	Khá	3,04	72	
81	0081	Hoàng Thị Hằng	12/07/1995	Nữ	Trường Mầm non Tân Mỹ	Đa Mai	Cao đẳng	Khá	3,13	54	
82	0082	Ngô Thị Thu Hằng	22/08/1996	Nữ	MN Tân Tiến	Tân Tiến	Đại học	Khá	2,96	72	
83	0083	Vũ Thị Hằng	21/7/1994	Nữ	MN Bồ Hạ	Bồ Hạ	Đại học	TB	2,45	56	
84	0084	Lê Thị Thu Hằng	24/9/1984	Nữ	MN Đồng Tiến	Xuân Lương	Cao đẳng	TBK	6,96	54	
85	0085	Nguyễn Ngọc Hậu	05/08/1996	Nữ	MN Thái Đào	Xã Tân Dĩnh	Cao đẳng	Khá	7,93	50	
86	0086	Chu Thị Hậu	05/07/1987	Nữ	Trường MN Tân An số 1	P. Tân An	Cao đẳng	Giỏi	3,29	60	
87	0087	Nguyễn Thị Hiền	28/10/1989	Nữ	Trường MN Yên Sơn	Bắc Lũng	Cao đẳng	Giỏi	3,23	54	
88	0088	Hoàng Thị Hiền	22/7/1991	Nữ	MN Mỹ Thái	Mỹ Thái	Đại học	Giỏi	3,21	84	
89	0089	Nguyễn Thị Hiền	16/02/1985	Nữ	MN Thái Sơn	Hợp Thịnh	Đại học	Khá	3,02	66	
90	0090	Nguyễn Thị Hiền	26/10/1996	Nữ	MN Hoàng Lương	xã Hoàng Vân	Đại học	Khá	3,17	54	
91	0091	Chu Thị Hiền	20/10/1986	Nữ	MN Cao Thượng	Tân Yên	Đại học	Khá	3,05	54	
92	0092	Vũ Thị Hiền	04/05/1994	Nữ	Trường MN Tân Sơn số 1	Tân Sơn	Cao đẳng	Khá	3,01	60	
93	0093	Nguyễn Thị Hiền	06/07/1983	Nữ	Trường MN Chũ số 2	Phường Chũ	Cao đẳng	Giỏi	3,36	42	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
94	0094	Đặng Thị Hiền	10/04/1995	Nữ	MN Thái Đào	Xã Tân Dĩnh	Cao đẳng	Khá	2,69	34	
95	0095	Hà Thị Hiền	19/07/1988	Nữ	MN Đại Hóa	Quang Trung	Đại học	Giỏi	3,44	52	
96	0096	Đặng Thị Hiền	18/04/1993	Nữ	MN Đoàn Bái số 1	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Khá	3,00	66	
97	0097	Ngô Thị Thu Hiền	01/06/1994	Nữ	MN Bắc Lý	Xuân Cầm	Cao đẳng	Khá	7,20	54	
98	0098	Đoàn Thị Hiền	29/4/1993	Nữ	MN Việt Tiến	P. Tự Lạn	Cao đẳng	TBK	6,95	86	
99	0099	Vi Thị Hiền	07/01/1994	Nữ	Trường mầm non Sao Mai	P. Bắc Giang	Cao đẳng	Giỏi	3,23	54	
100	0100	Trần Thị Hiền	19/09/1993	Nữ	Trường Mầm non Dĩnh Trì	P. Bắc Giang	Đại học	Khá	7,50	96	
101	0101	Dương Thị Ngọc Hiền	28/07/1993	Nữ	Trường MN Tân An số 1	P. Tân An	Cao đẳng	Khá	7,41	60	
102	0102	Tạ Thị Hiền	13/01/1992	Nữ	Trường MN Tân An số 2	P. Tân An	Đại học	TBK	6,45	72	
103	0103	Nguyễn Thị Hiền	21/07/1986	Nữ	Mầm non Kiên Lao số 2	Kiên Lao	Cao đẳng	Giỏi	3,20	56	
104	0104	Hoàng Thị Hiền	27/11/1980	Nữ	MN Quảng Minh	Vân Hà	Đại học	Khá	3,11	50	
105	0105	Trần Thị Hiệp	17/12/1987	Nữ	Trường MN Tiên Lục số 1	Tiên Lục	Cao đẳng	Khá	7,05	48	
106	0106	Lê Thị Hiếu	01/7/1993	Nữ	MN Tiên Sơn	Vân Hà	Đại học	Khá	3,07	68	
107	0107	Luyện Minh Hoa	14/12/1994	Nữ	Trường MN Đồi Ngô	Lục Nam	Đại học	Khá	2,64	72	
108	0108	Nguyễn Thanh Hoa	05/10/1990	Nữ	MN Đại Lâm	Tân Dĩnh	Cao đẳng	Khá	7,68	40	
109	0109	Hán Thị Phương Hoa	18/05/1994	Nữ	MN Thái Đào	Xã Tân Dĩnh	Đại học	TBK	6,61	96	
110	0110	Trần Thị Hoa	17/04/1996	Nữ	Trường MN Song Vân	Ngọc Thiện	Cao đẳng	Khá	2,91	44	
111	0111	Doãn Thị Thanh Hoa	21/7/1993	Nữ	Trường MN Minh Đức	Phường Việt Yên	Đại học	Khá	2,79	56	
112	0112	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	13/01/1990	Nữ	Trường Mầm non Mỹ Độ	Đa Mai	Cao đẳng	Khá	7,77	96	
113	0113	Nguyễn Thị Thanh Hoa	04/02/1993	Nữ	MN Hoàng Hoa Thám	xã Yên Thế	Đại học	TBK	6,45	32	
114	0114	Hoàng Thị Hòa	28/09/1995	Nữ	Trường MN Nghĩa Trung	Phường Việt Yên	Đại học	TBK	6,72	66	
115	0115	Nguyễn Thị Học	13/07/1991	Nữ	Trường mầm non Nghĩa Phương	Nghĩa Phương	Đại học	Khá	3,18	78	
116	0116	Phan Thị Học	16/11/1993	Nữ	MN Tiên Lục số 6	Tiên Lục	Cao đẳng	Khá	7,50	96	
117	0117	Giáp Thị Hồng	15/04/1995	Nữ	Trường MN Yên Sơn	Bắc Lũng	Đại học	TBK	6,87	86	
118	0118	Dương Thị Hồng	25/09/1993	Nữ	MN Bắc Lý	Xuân Cầm	Cao đẳng	Khá	7,62	38	
119	0119	Nguyễn Thị Hồng	01/12/1990	Nữ	Mầm non Xuân Phú	Tân Tiến	Đại học	Khá	2,55	36	
120	0120	Nguyễn Thị Huệ	07/10/1982	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	7,39	52	
121	0121	Hoàng Thị Huệ	18/05/1978	Nữ	MN Mỹ Thái	Mỹ Thái	Đại học	Giỏi	3,24	62	
122	0122	Nguyễn Thị Huệ	05/3/1986	Nữ	Trường MN Ngọc Châu	Ngọc Thiện	Đại học	Khá	2,73	62	
123	0123	Nông Thị Huệ	06/10/1983	Nữ	Trường MN Tân Hoa	Xã Lục Ngạn	Cao đẳng	Giỏi	3,22	36	
124	0124	Lê Thị Huệ	04/5/1990	Nữ	Trường mầm non Nghĩa Phương	Nghĩa Phương	Đại học	Khá	3,16	62	
125	0125	Từ Thị Huệ	15/05/1990	Nữ	Trường mầm non Huyện Sơn	Nghĩa Phương	Cao đẳng	Khá	7,77	86	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTk	Điểm sát hạch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
126	0126	Nông Thị Huệ	25/01/1981	Nữ	Trường MN Bảo Sơn	Xã Bảo Đài	Cao đẳng	Xuất sắc	3,68	44	
127	0127	Tăng Thị Thu Huệ	03/5/1993	Nữ	MN Kép	Xã Kép	Đại học	TB	2,45	66	
128	0128	Phạm Thị Huệ	01/5/1986	Nữ	Trường Mầm non An Dương	Nhã Nam	Đại học	Giỏi	3,10	38	
129	0129	Nguyễn Thị Huệ	08/07/1988	Nữ	MN Đông Lỗ số 1	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Khá	2,96	54	
130	0130	Dương Thị Huệ	23/04/1995	Nữ	MN Hoàng An	xã Hoàng Vân	Đại học	Giỏi	3,26	40	
131	0131	Vũ Thị Huệ	14/04/1995	Nữ	Trường MN Trí Yên	P. Tân An	Đại học	TBK	6,52	82	
132	0132	Tổng Thị Huệ	20/8/1991	Nữ	MN Canh Nậu	Xuân Lương	Cao đẳng	Giỏi	3,41	62	
133	0133	Trần Thị Huyền	18/06/1998	Nữ	MN Biên Sơn	Biên Sơn	Cao đẳng	Khá	2,96	66	
134	0134	Phạm Thị Huyền	29/12/1985	Nữ	Trường MN Vô Tranh số 1	Trường Sơn	Đại học	TBK	6,61	64	
135	0135	Bùi Thị Huyền	22/09/1980	Nữ	MN Tiên Lục số 6	Tiên Lục	Cao đẳng	Giỏi	3,36	96	
136	0136	Nguyễn Thị Huyền	04/11/1994	Nữ	Trường MN Việt Ngọc	Ngọc Thiện	Cao đẳng	Khá	7,80	80	
137	0137	Đỗ Thị Thanh Huyền	22/03/1987	Nữ	Mầm Non Lương Văn Năm	Nhã Nam	Đại học	Xuất sắc	3,78	60	
138	0138	Nguyễn Thị Bích Huyền	27/09/1995	Nữ	MN thị trấn Thắng	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	2,99	84	
139	0139	Trần Thị Huyền	26/05/1996	Nữ	MN Đông Lỗ số 1	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Khá	2,82	36	
140	0140	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	28/08/1996	Nữ	MN Hoàng Vân	xã Hoàng Vân	Cao đẳng	Khá	2,91	82	
141	0141	Nguyễn Thị Huyền	17/08/1993	Nữ	MN Ngọc Sơn	xã Hoàng Vân	Đại học	Khá	7,7	38	
142	0142	Nguyễn Thị Huyền	16/12/1987	Nữ	MN Ngọc Sơn	xã Hoàng Vân	Cao đẳng	Khá	2,89	84	
143	0143	Giáp Thị Huyền	12/04/1993	Nữ	MN Việt Tiến	P. Tự Lạn	Đại học	Khá	3,15	60	
144	0144	Phan Thị Thu Huyền	23/09/1991	Nữ	Trường MN Đồng Việt	Xã Đồng Việt	Cao đẳng	Khá	7,71	70	
145	0145	Trần Thị Huyền	19/04/1985	Nữ	Trường MN Yên Lư	Yên Dũng	Cao đẳng	Khá	7,56	42	
146	0146	Chu Thị Hương	10/11/1991	Nữ	MN Yên Định	Xã Yên Định	Cao đẳng	Khá	7,26	34	
147	0147	Phạm Thị Hương	01/05/1995	Nữ	Trường mầm non Đồng Cốc	Xã Lục Ngạn	Cao đẳng	Khá	3,13	66	
148	0148	Đỗ Thị Hương	22/02/1995	Nữ	Trường MN Giáp Sơn	Xã Lục Ngạn	Cao đẳng	Giỏi	3,27	48	
149	0149	Dương Thị Hương	16/08/1994	Nữ	Trường Mầm Non Nam Dương số 1	Nam Dương	Cao đẳng	Giỏi	3,22	54	
150	0150	Nguyễn Minh Hương	30/11/1995	Nữ	MN Trường Sơn	Trường Sơn	Cao đẳng	Giỏi	3,26	74	
151	0151	Nguyễn Thị Hương	29/01/1996	Nữ	Trường MN Tiên Lục số 1	Tiên Lục	Đại học	Khá	2,90	48	
152	0152	Giáp Thị Thu Hương	26/12/1994	Nữ	Mầm Non Lương Văn Năm	Nhã Nam	Cao đẳng	Giỏi	8,10	42	
153	0153	Giáp Thị Minh Hương	28/10/1988	Nữ	Trường MN Liên Chung	Phúc Hoà	Đại học	Khá	3,13	28	
154	0154	Ngô Thị Hương	28/02/1990	Nữ	MN Danh Thắng	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	2,74	68	
155	0155	Nguyễn Thị Mai Hương	13/05/1997	Nữ	MN Đoàn Bái số 1	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Giỏi	3,32	42	
156	0156	Ngô Thị Hương	26/6/1986	Nữ	MN Hương Lâm	Xuân Cầm	Cao đẳng	Giỏi	3,26	38	
157	0157	Phạm Thị Hương	23/9/1989	Nữ	MN Hương Lâm	Xuân Cầm	Cao đẳng	Giỏi	3,21	42	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
158	0158	Trần Thị Hương	30/12/1996	Nữ	MN Thượng Lan	P. Tụ Lạn	Cao đẳng	Khá	2,87	42	
159	0159	Nguyễn Thị Liên Hương	18/08/1990	Nữ	MN Quang Châu	Phường Nénh	Cao đẳng	Xuất sắc	3,61	46	
160	0160	Nguyễn Thị Hương	20/10/1989	Nữ	Trường MN Đức Giang	Xã Đồng Việt	Cao đẳng	Khá	2,89	94	
161	0161	Nguyễn Thủy Hương	02/11/1995	Nữ	MN Tiên Lục số 6	Tiên Lục	Cao đẳng	Khá	7,48	48	
162	0162	Nguyễn Thị Hương	01/02/1995	Nữ	MN Hương Mai	P. Tụ Lạn	Cao đẳng	Khá	7,36	62	
163	0163	Nguyễn Thị Hương	30/07/1987	Nữ	Trường MN Bích Sơn	Phường Việt Yên	Cao đẳng	Khá	3,19	30	
164	0164	Nguyễn Thị Hữu	08/02/1993	Nữ	MN Đoàn Bái số 2	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	3,12	50	
165	0165	Lê Thị Kim	04/03/1986	Nữ	Trường MN Đồng Phúc	Xã Đồng Việt	Cao đẳng	Khá	2,77	62	
166	0166	Bàn Thị Khánh	20/8/1990	Nữ	MN Trường Sơn	Trường Sơn	Đại học	Khá	2,73	96	
167	0167	Trần Thị Ngọc Khánh	17/08/1993	Nữ	Trường mầm non Huyện Sơn	Nghĩa Phương	Cao đẳng	Khá	7,76	52	
168	0168	Tạ Thị Lan	21/01/1993	Nữ	Trường MN Vô Tranh số 2	Trường Sơn	Cao đẳng	Giỏi	8,10	68	
169	0169	Dương Thị Lan	29/11/1995	Nữ	Mầm non Vôi số 2	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,68	70	
170	0170	Bùi Thị Lan	31/12/1995	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,76	74	
171	0171	Nguyễn Phương Lan	04/9/1996	Nữ	MN Kép	Xã Kép	Đại học	Khá	2,76	44	
172	0172	Nguyễn Thị Lan	04/11/1996	Nữ	MN Bắc Lý	Xuân Cầm	Đại học	TBK	6,45	56	
173	0173	Lê Thị Lan	10/02/1992	Nữ	MN Tăng Tiến	Phường Nénh	Đại học	Khá	2,91	50	
174	0174	Nguyễn Thị Lan	26/5/1995	Nữ	Trường MN Lãng Sơn	P. Tân An	Đại học	Khá	2,80	82	
175	0175	Nguyễn Thị Lành	08/06/1997	Nữ	MN Quang Châu	Phường Nénh	Cao đẳng	Khá	7,55	64	
176	0176	Ngô Thị Lập	06/12/1993	Nữ	Trường MN Tiên Lục số 1	Tiên Lục	Đại học	Khá	2,62	70	
177	0177	Dương Thị Len	02/9/1986	Nữ	MN Kép	Xã Kép	Cao đẳng	Giỏi	3,55	70	
178	0178	Trần Thị Lệ	03/09/1988	Nữ	Mầm non Vôi số 1	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,71	88	
179	0179	Đỗ Thị Lịch	18/05/1995	Nữ	Trường Mầm non Lê Lợi	P. Bắc Giang	Cao đẳng	Khá	3,11	78	
180	0180	Hoàng Thị Kim Liên	07/10/1996	Nữ	Trường MN Tân Hoa	Xã Lục Ngạn	Cao đẳng	Khá	3,14	58	
181	0181	Hà Thị Liên	15/03/1993	Nữ	MN Thái Đảo	Xã Tân Đình	Đại học	Khá	3,08	36	
182	0182	Dương Thị Liên	02/01/1992	Nữ	MN Lương Phong số 2	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Xuất sắc	3,62	72	
183	0183	Dương Thùy Liên	26/03/1996	Nữ	MN Tân Tiến	Tân Tiến	Đại học	Khá	3,01	54	
184	0184	Dương Thị Liên	25/08/1995	Nữ	MN Cao Xá	Tân Yên	Cao đẳng	Giỏi	8,04	92	
185	0185	Đàm Thị Liệu	18/9/1996	Nữ	MN Ninh Sơn	Vân Hà	Cao đẳng	Khá	2,93	50	
186	0186	Nguyễn Thị Hồng Linh	29/12/1995	Nữ	Mn Kiên Lao số 2	Kiên Lao	Cao đẳng	Giỏi	3,23	82	
187	0187	Tổng Thùy Linh	04/06/1996	Nữ	Trường MN Tam Dị	Bảo Đài	Đại học	Khá	3,09	60	
188	0188	Trần Nhật Linh	18/08/1995	Nữ	MN Lam Cốt	Quang Trung	Đại học	Khá	2,89	60	
189	0189	Phạm Thị Linh	08/08/1992	Nữ	MN Đông Lỗ số 1	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Khá	2,94	54	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
190	0190	Nguyễn Thùy Linh	11/08/1997	Nữ	MN Bắc Lý	Xuân Cầm	Cao đẳng	Khá	2,71	54	
191	0191	Đình Thị Hoài Linh	30/04/1984	Nữ	Trường Mầm non Hoa Sen	P. Bắc Giang	Đại học	TBK	6,66	92	
192	0192	Nguyễn Thị Loan	20/5/1993	Nữ	MN Đan Hội	Cầm Lý	Đại học	Khá	3,09	56	
193	0193	Thân Thị Loan	16/06/1988	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	TBK	6,38	32	
194	0194	Nguyễn Thị Loan	06/05/1985	Nữ	MN Xuân Hương	Mỹ Thái	Đại học	Khá	2,64	54	
195	0195	Nguyễn Thị Loan	21/01/1974	Nữ	MN Hoàng Vân	xã Hoàng Vân	Đại học	Khá	7,62	76	
196	0196	Chu Thị Long	15/08/1987	Nữ	MN Tự Lạn	P. Tự Lạn	Cao đẳng	Khá	2,80	84	
197	0197	Đỗ Thị Lộc	29/08/1987	Nữ	MN Tân Thanh	Mỹ Thái	Đại học	Khá	2,97	70	
198	0198	Lê Thị Lôi	07/02/1987	Nữ	Mầm non Tiến Dũng	Phường Cảnh Thụy	Cao đẳng	Khá	2,72	92	
199	0199	Hoàng Thị Lợi	26/02/1991	Nữ	MN Mỹ Thái	Mỹ Thái	Đại học	Khá	3,18	66	
200	0200	Trần Thị Lụa	04/10/1994	Nữ	Mầm non Xương Lâm	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Giỏi	3,54	80	
201	0201	Lê Thị Luyến	15/07/1984	Nữ	MN Hoàng An	xã Hoàng Vân	Cao đẳng	Giỏi	3,54	70	
202	0202	Lê Thị Luyến	15/01/1987	Nữ	Mầm non Tiến Dũng	Phường Cảnh Thụy	Đại học	Khá	3,04	72	
203	0203	Trương Thị Lương	10/7/1985	Nữ	Trường MN Đèo Gia số 1	Xã Đèo Gia	Đại học	TB	5,83	36	
204	0204	Nguyễn Thị Lương	16/02/1997	Nữ	Trường MN Tân An số 1	P. Tân An	Cao đẳng	Giỏi	3,39	80	
205	0205	Nguyễn Thị Lượng	01/02/1985	Nữ	MN Hoàng Thanh	xã Hoàng Vân	Đại học	Khá	2,97	62	
206	0206	Đỗ Thị Khánh Ly	17/06/1991	Nữ	Trường MN Tiên Nha	Lục Nam	Cao đẳng	Giỏi	3,23	56	
207	0207	Hoàng Thị Ly	14/08/1995	Nữ	Mầm Non Lương Văn Năm	Nhã Nam	Cao đẳng	Giỏi	8,02	96	
208	0208	Nguyễn Thị Hương	25/07/1982	Nữ	MN Cầm Lý	Cầm Lý	Đại học	Giỏi	3,37	40	
209	0209	Nguyễn Thị Lý	17/11/1990	Nữ	Trường MN Tiên Lục số 2	Tiên Lục	Đại học	Khá	2,86	34	
210	0210	Tăng Thị Lý	12/02/1988	Nữ	MN Tân Tiến	Tân Tiến	Cao đẳng	Khá	7,73	48	
211	0211	Nguyễn Thị Mai	02/04/1997	Nữ	Trường MN Vô Tranh số 1	Trường Sơn	Cao đẳng	Khá	3,13	72	
212	0212	Nguyễn Thị Mai	19/8/1989	Nữ	MN Đan Hội	Cầm Lý	Cao đẳng	Giỏi	3,46	46	
213	0213	Nguyễn Thị Mai	20/10/1992	Nữ	Trường MN Chu Điện	Lục Nam	Đại học	Khá	3,10	38	
214	0214	Nguyễn Thị Mai	10/07/1984	Nữ	Trường MN Tiên Nha	Lục Nam	Đại học	Khá	3,19	96	
215	0215	Đào Thị Mai	19/12/1989	Nữ	Trường MN Bắc Lũng	Bắc Lũng	Đại học	Giỏi	8,60	50	
216	0216	Nguyễn Thị Mai	27/06/1994	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	TBK	6,50	86	
217	0217	Nguyễn Thị Mai	24/11/1992	Nữ	Mầm non Hương Lạc số 2	Xã Lạng Giang	Đại học	TBK	6,62	66	
218	0218	Ngô Thị Mai	10/02/1992	Nữ	MN Dương Đức	Mỹ Thái	Cao đẳng	Giỏi	3,26	72	
219	0219	Trần Thị Mai	05/12/1998	Nữ	MN Việt Tiến	P. Tự Lạn	Đại học	Giỏi	3,23	54	
220	0220	Trần Thị Tuyết Mai	31/10/1989	Nữ	Trường Mầm non Lê Lợi	P. Bắc Giang	Cao đẳng	Giỏi	3,57	54	
221	0221	Lê Thị Hồng Mai	17/02/1989	Nữ	Trường Mầm non Lê Lợi	P. Bắc Giang	Đại học	Khá	2,77	56	

H.C.N
SỞ
ĐỘI V
BẮC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
222	0222	Dương Thị Mai	24/12/1996	Nữ	Trường Mầm non Mỹ Độ	Đa Mai	Cao đẳng	Khá	3,14	96	
223	0223	Hoàng Thị Ngọc Mai	21/12/1988	Nữ	Trường MN Đồng Vương	Đồng Kỳ	Cao đẳng	Khá	7,43	96	
224	0224	Ngô Thị Miên	29/01/1993	Nữ	MN Dương Đức	Mỹ Thái	Cao đẳng	Giỏi	3,23	70	
225	0225	Lý Thị Minh	11/06/1989	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	7,85	96	
226	0226	Nguyễn Thị Minh	20/08/1990	Nữ	MN Lương Phong số 2	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Khá	7,92	82	
227	0227	Nguyễn Thị Mơ	19/01/1993	Nữ	Trường MN Chu Điện	Lục Nam	Đại học	Khá	7,85	82	
228	0228	Trần Thị Mơ	21/05/1988	Nữ	Trường MN Tiên Lục số 1	Tiên Lục	Đại học	Khá	2,88	86	
229	0229	Thân Thị Mơ	02/08/1995	Nữ	MN Hương Mai	P. Tụ Lạn	Cao đẳng	Khá	3,10	42	
230	0230	Nguyễn Thị Mơ	04/11/1991	Nữ	MN Hoàng Ninh	Phường Nénh	Cao đẳng	Giỏi	3,33	52	
231	0231	Vũ Thị Mùi	07/12/1991	Nữ	MN Long Sơn	Dương Hưu	Đại học	Khá	7,61	72	
232	0232	Siu A Mùi	20/06/1992	Nữ	Trường MN Vô Tranh số 2	Trường Sơn	Cao đẳng	Khá	7,05	64	
233	0233	Dương Thị Mùi	10/02/1991	Nữ	Trường MN Bắc Lũng	Bắc Lũng	Đại học	Khá	7,38	56	
234	0234	Đoàn Trà My	02/09/1991	Nữ	MN Tân Yên	Tân Yên	Cao đẳng	Giỏi	3,43	92	
235	0235	Nguyễn Thị Thanh Nga	03/07/1992	Nữ	Trường mầm non Đồng Cốc	Xã Lục Ngạn	Đại học	Khá	7,37	54	
236	0236	Nguyễn Thị Nga	12/04/1993	Nữ	MN Ngọc Vân	Ngọc Thiện	Đại học	Khá	2,84	96	
237	0237	Nguyễn Thị Nga	03/08/1995	Nữ	MN Hoàng Lương	xã Hoàng Vân	Cao đẳng	Khá	3,15	54	
238	0238	Hoàng Thị Nga	03/06/1996	Nữ	MN Vân Trung	Phường Nénh	Đại học	Giỏi	3,27	62	
239	0239	Tăng Thị Thanh Nga	20/05/1995	Nữ	Trường MN Đồng Kỳ	Đồng Kỳ	Cao đẳng	Khá	7,32	56	
240	0240	Nguyễn Thị Ngà	13/11/1992	Nữ	MN Tụ Lạn	P. Tụ Lạn	Đại học	Khá	3,16	64	
241	0241	Hoàng Thị Thúy Ngà	12/04/1981	Nữ	Trường MN Đồng Phúc	Xã Đồng Việt	Cao đẳng	Khá	7,96	60	
242	0242	Hoàng Thị Ngát	17/8/1997	Nữ	MN Kép	Xã Kép	Cao đẳng	Khá	3,16	86	
243	0243	Nguyễn Thị Ngân	16/10/1986	Nữ	MN Hương Gián	Tân Tiến	Đại học	TBK	6,49	52	
244	0244	Phạm Thị Ngoan	07/07/1994	Nữ	Trường MN Vô Tranh số 2	Trường Sơn	Cao đẳng	Giỏi	3,28	96	
245	0245	Trịnh Thị Ngoan	30/05/1994	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Giỏi	3,23	58	
246	0246	Nguyễn Thị Minh Ngọc	17/01/1994	Nữ	MN Đan Hội	Cầm Lý	Đại học	Khá	3,11	66	
247	0247	Hoàng Bảo Ngọc	10/07/1995	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,80	50	
248	0248	Nguyễn Thị Ngọc	08/03/1996	Nữ	MN Tân Dĩnh	Tân Dĩnh	Đại học	Khá	3,00	48	
249	0249	Nguyễn Thị Ngọc	17/10/1991	Nữ	MN Tiên Lục số 6	Tiên Lục	Đại học	TBK	6,48	42	
250	0250	Nguyễn Hồng Ngọc	09/4/1997	Nữ	MN Hợp Thịnh	Hợp Thịnh	Cao đẳng	Giỏi	3,32	60	
251	0251	Nguyễn Thị Bích Ngọc	18/07/1995	Nữ	MN Hoàng Thanh	xã Hoàng Vân	Đại học	Giỏi	3,22	96	
252	0252	Đông Thị Ngọc	01/01/1993	Nữ	MN Hương Lâm	Xuân Cầm	Cao đẳng	Khá	2,67	54	
253	0253	Nguyễn Thị Ngọc	17/10/1991	Nữ	Trường Mầm non Dĩnh Ké	P. Bắc Giang	Đại học	Khá	7,70	96	

VIỆT
U
HINH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
254	0254	Nguyễn Thị Ngọc	14/09/1986	Nữ	Trường MN Quỳnh Sơn	P. Tân An	Đại học	Khá	2,88	64	
255	0255	Đỗ Thị Nguyệt	08/04/1991	Nữ	Trường MN Đèo Gia số 1	Xã Đèo Gia	Cao đẳng	Khá	7,34	58	
256	0256	Dương Thị Nguyệt	01/10/1992	Nữ	MN Đoàn Bái số 2	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Giỏi	3,28	44	
257	0257	Nguyễn Thị Nguyệt	12/08/1982	Nữ	MN Mai Đình	Xuân Cầm	Cao đẳng	Giỏi	3,29	64	
258	0258	Mai Thị Thanh Nhã	30/01/1995	Nữ	MN Tiên Lục số 5	Tiên Lục	Đại học	Khá	2,77	68	
259	0259	Trần Thị Nhài	11/5/1997	Nữ	MN Quảng Minh	Vân Hà	Đại học	Giỏi	3,43	40	
260	0260	Đoàn Thị Nhân	28/02/1994	Nữ	Trường MN Đông Phú	Đông Phú	Đại học	TBK	6,85	94	
261	0261	Nguyễn Thị Nhân	16/08/1987	Nữ	MN Dương Đức	Mỹ Thái	Cao đẳng	Giỏi	3,55	94	
262	0262	Đông Thị Thanh Nhân	17/05/1984	Nữ	MN Việt Lập	Tân Yên	Cao đẳng	Giỏi	3,28	44	
263	0263	Hoàng Thị Tuyết Nhi	22/08/1995	Nữ	Trường MN Giáp Sơn	Xã Lục Ngạn	Cao đẳng	Khá	7,81	60	
264	0264	Phạm Thị Nhung	26/07/1989	Nữ	Trường MN Tiên Hưng	Lục Nam	Đại học	Khá	2,82	56	
265	0265	Giáp Thị Nhung	21/11/1990	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	7,09	80	
266	0266	Đông Thị Nhung	08/09/1995	Nữ	MN Tân Thanh	Mỹ Thái	Đại học	TB	2,43	96	
267	0267	Hoàng Thị Nhung	26/03/1982	Nữ	MN Mỹ Thái	Mỹ Thái	Đại học	TB	5,98	50	
268	0268	Nguyễn Thị Kim Nhung	23/8/1994	Nữ	MN Kép	Xã Kép	Cao đẳng	Khá	7,02	80	
269	0269	Đặng Thị Nhung	19/09/1992	Nữ	MN Quang Thịnh	Xã Kép	Đại học	TB	2,09	80	
270	0270	Bùi Thị Nhung	09/08/1995	Nữ	Trường MN Tiên Lục số 4	Tiên Lục	Cao đẳng	Giỏi	3,28	92	
271	0271	Nguyễn Thị Nhung	23-03-1994	Nữ	Trường MN Ngọc Châu	Ngọc Thiện	Đại học	Giỏi	3,40	56	
272	0272	Ngô Thị Nhung	13/03/1995	Nữ	MN Đông Lỗ số 1	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	2,90	68	
273	0273	Nguy Thị Nhung	12/10/1992	Nữ	Trường MN Đồng Việt	Xã Đồng Việt	Cao đẳng	Khá	7,29	82	
274	0274	Thân Thị Nhung	26/12/1990	Nữ	Trường Mầm non Ngô Quyền	P. Bắc Giang	Đại học	Khá	2,70	48	
275	0275	Nguyễn Thị Như	29/12/1994	Nữ	Trường MN Tam Dị	Bảo Đài	Cao đẳng	Giỏi	3,28	76	
276	0276	Vũ Kiều Oanh	06/08/1996	Nữ	Trường MN Vô Tranh số 2	Trường Sơn	Cao đẳng	Khá	3,16	62	
277	0277	Nguyễn Thị Oanh	07/09/1981	Nữ	Trường MN Tiên Hưng	Lục Nam	Đại học	TBK	6,60	62	
278	0278	Nguyễn Thị Oanh	26/10/1993	Nữ	Trường MN Bắc Lũng	Bắc Lũng	Đại học	Khá	3,17	84	
279	0279	Dương Thị Kim Oanh	01/01/1989	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,74	36	
280	0280	Hà Kiều Oanh	02/01/1996	Nữ	MN Mỹ Thái	Mỹ Thái	Đại học	Khá	3,06	82	
281	0281	Nguyễn Thị Oanh	05/04/1988	Nữ	MN Xuân Hương	Mỹ Thái	Đại học	Giỏi	3,33	62	
282	0282	Trương Thị Kim Oanh	20/08/1989	Nữ	MN Hoàng Vân	xã Hoàng Vân	Đại học	Khá	2,77	30	
283	0283	Nguyễn Thị Oanh	05/07/1996	Nữ	MN Tự Lạn	P. Tự Lạn	Cao đẳng	Giỏi	3,57	54	
284	0284	Đào Thị Oanh	03/11/1984	Nữ	MN Bồ Hạ	Bồ Hạ	Cao đẳng	Khá	7,44	52	
285	0285	Vương Thị Phương	09/10/1990	Nữ	MN Long Sơn	Dương Hưu	Đại học	Khá	7,63	92	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTk	Điểm sát hạch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
286	0286	Vũ Hải Phương	29/04/1996	Nữ	Trường Mầm non Trù Hữu	Phường Chũ	Đại học	Giỏi	8,14	46	
287	0287	Ngô Thị Phương	21/06/1995	Nữ	Trường Mầm non Trù Hữu	Phường Chũ	Đại học	Giỏi	3,5	52	
288	0288	Nguyễn Thị Phương	04/09/1990	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	7,44	56	
289	0289	Nguyễn Thị Phương	24/12/1993	Nữ	MN Thượng Lan	P. Tụ Lạn	Cao đẳng	Khá	2,93	32	
290	0290	Nguyễn Thị Phương	07/02/1993	Nữ	Trường Mầm non Đình Kế	P. Bắc Giang	Đại học	TB	2,13	38	
291	0291	Nguyễn Thị Phương	28/03/1991	Nữ	Trường MN Quỳnh Sơn	P. Tân An	Đại học	Khá	7,48	44	
292	0292	Dương Thị Phương	08/10/1988	Nữ	Mầm non Xương Lâm	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	7,26	44	
293	0293	Hà Thị Phương	22/10/1996	Nữ	Trường MN Ngọc Thiện số 2	Ngọc Thiện	Cao đẳng	Giỏi	3,23	74	
294	0294	Bồ Thị Phương	26/04/1994	Nữ	Trường MN Tiến Thắng	Tam Tiến	Đại học	Khá	7,45	68	
295	0295	Đào Minh Quy	29/7/1991	Nữ	MN Kép	Xã Kép	Đại học	Khá	7,53	52	
296	0296	Vi Thị Quyên	18/05/1989	Nữ	Trường MN số 1	Phường Phụng Sơn	Cao đẳng	Giỏi	3,22	92	
297	0297	Vũ Thị Quyên	09/10/1993	Nữ	MN Hương Sơn	Xã Kép	Đại học	Khá	3,07	38	
298	0298	Hoàng Thị Quyên	18/02/1986	Nữ	MN Đại Lâm	Tân Đình	Cao đẳng	Giỏi	3,23	96	
299	0299	Nguyễn Thị Quyên	16/09/1990	Nữ	MN Lam Cốt	Quang Trung	Cao đẳng	Khá	7,49	44	
300	0300	Nguyễn Thị Quyên	18/01/1992	Nữ	MN Đoàn Bái số 2	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	3,11	64	
301	0301	Vũ Thị Quyên	14/03/1984	Nữ	Trường MN Quỳnh Sơn	P. Tân An	Đại học	Khá	2,80	94	
302	0302	Mai Thị Quỳnh	05/04/1991	Nữ	Trường Mầm non Nhã Nam	Nhã Nam	Đại học	Giỏi	3,50	50	
303	0303	Nguyễn Thúy Quỳnh	25/10/1997	Nữ	MN Đông Lỗ số 3	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Giỏi	3,21	68	
304	0304	Nguyễn Thị Sinh	24/05/1993	Nữ	MN Thượng Lan	P. Tụ Lạn	Cao đẳng	Khá	2,88	50	
305	0305	Lê Thị Sinh	13/06/1993	Nữ	Mầm non Tiến Dũng	Phường Cảnh Thụy	Đại học	TB	2,42	88	
306	0306	La Thảo Tâm	04/08/1991	Nữ	MN Mai Trung số 2	Hợp Thịnh	Đại học	Khá	2,71	48	
307	0307	Nguyễn Thị Tần	08/09/1987	Nữ	MN Tân Thanh	Mỹ Thái	Đại học	Khá	2,97	62	
308	0308	Nguyễn Thị Thủy Tiên	17/02/1995	Nữ	Trường mầm non Nghĩa Phương	Nghĩa Phương	Đại học	Xuất sắc	3,68	80	
309	0309	Nguyễn Thị Tiên	28/01/1984	Nữ	MN Châu Minh	Xuân Cầm	Đại học	Khá	2,85	54	
310	0310	Nguyễn Thị Cẩm Tú	06/05/1997	Nữ	MN Biên Sơn	Biên Sơn	Đại học	Khá	3,12	34	
311	0311	Đỗ Thị Minh Tuyền	12/12/1997	Nữ	MN Đoàn Bái số 2	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	3,19	52	
312	0312	Nguyễn Thị Tuyền	02/06/1986	Nữ	MN Hoàng Lương	xã Hoàng Vân	Đại học	Khá	3,08	68	
313	0313	Đào Thị Tuyền	23/05/1990	Nữ	Trường MN An Thượng	Tam Tiến	Đại học	Khá	2,65	58	
314	0314	Nguyễn Thị Tuyết	14/02/1989	Nữ	Trường Mầm non Trù Hữu	Phường Chũ	Cao đẳng	Khá	7,60	48	
315	0315	Trịnh Thị Kim Tuyết	18/01/1993	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	7,03	72	
316	0316	Lê Thị Út Tư	02/01/1984	Nữ	MN Hoàng An	xã Hoàng Vân	Cao đẳng	Khá	7,78	36	
317	0317	Trần Thị Tư	27/07/1994	Nữ	MN Cao Thượng	Tân Yên	Đại học	Xuất sắc	3,77	96	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
318	0318	Nguyễn Thị Thái	30/03/1992	Nữ	Trường MN Tiên Lục số 1	Tiên Lục	Cao đẳng	Khá	2,82	54	
319	0319	Hoàng Thị Thanh	10/05/1995	Nữ	Trường Mầm non Tân Quang	Xã Lục Ngạn	Cao đẳng	Khá	2,99	64	
320	0320	Đỗ Thị Thanh	09/01/1990	Nữ	MN Tiên Lục số 6	Tiên Lục	Cao đẳng	Giỏi	3,35	62	
321	0321	Hà Thị Thanh	31/05/1994	Nữ	MN Tiên Lục số 6	Tiên Lục	Cao đẳng	Giỏi	3,38	54	
322	0322	Vi Thị Thanh	10/01/1993	Nữ	Trường MN Liên Chung	Phúc Hoà	Cao đẳng	Giỏi	8,45	60	
323	0323	Nguyễn Thị Thanh	12/11/1990	Nữ	Trường MN Liên Chung	Phúc Hoà	Đại học	Giỏi	3,25	76	
324	0324	Hoàng Thị Trang Thành	18/06/1989	Nữ	MN Hoàng Ninh	Phường Nénh	Đại học	Khá	7,99	44	
325	0325	Trần Thị Thành	15/09/1981	Nữ	Trường Mầm non Mỹ Độ	Đa Mai	Cao đẳng	Khá	7,26	34	
326	0326	Nguyễn Thị Thảo	28/08/1994	Nữ	MN Vũ Xá	Cầm Lý	Cao đẳng	Khá	3,18	60	
327	0327	Nguyễn Thị Thảo	01/09/1985	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Giỏi	3,37	46	
328	0328	Bùi Thị Thảo	29/05/1995	Nữ	MN Mỹ Thái	Mỹ Thái	Đại học	Khá	2,55	80	
329	0329	Ngô Thu Thảo	10/08/1994	Nữ	MN Dương Đức	Mỹ Thái	Cao đẳng	Xuất sắc	3,68	36	
330	0330	Nguyễn Thị Thảo	05/7/1992	Nữ	MN Kép	Xã Kép	Đại học	Khá	2,73	42	
331	0331	Đào Thị Phương Thảo	12/08/1996	Nữ	MN Đoàn Bái số 2	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	2,92	62	
332	0332	Hà Thị Thảo	16/11/1993	Nữ	MN Đoàn Bái số 2	Hiệp Hoà	Đại học	Giỏi	3,33	68	
333	0333	Nguyễn Thị Thanh Thảo	30/09/1997	Nữ	MN Hoàng Thanh	xã Hoàng Vân	Đại học	Giỏi	3,25	86	
334	0334	Đoàn Thị Thắm	10/02/1990	Nữ	Trường MN Đông Phú	Đông Phú	Cao đẳng	Giỏi	3,23	78	
335	0335	Phạm Thị Thắm	28/01/1997	Nữ	Trường MN Hồng Thái	Phường Việt Yên	Cao đẳng	Khá	2,98	76	
336	0336	Trần Thị Thắng	16/03/1991	Nữ	Mầm non Hương Lạc số 1	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Giỏi	3,38	52	
337	0337	Hoàng Thị Thắng	04/12/1990	Nữ	MN Quang Minh	Hợp Thịnh	Cao đẳng	Giỏi	3,22	52	
338	0338	Nguyễn Thị Thắm	08/01/1992	Nữ	Trường mầm non Lục Sơn	Lục Sơn	Đại học	Giỏi	3,25	84	
339	0339	Chu Thị Thêm	14/03/1992	Nữ	Trường MN Giáo Liêm	Xã Đại Sơn	Cao đẳng	Giỏi	3,33	48	
340	0340	Hà Thị Thiêm	09/10/1987	Nữ	MN Lương Phong số 1	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Giỏi	3,26	60	
341	0341	Ngô Thị Thịnh	17/05/1984	Nữ	MN Việt Tiến	P. Tự Lạn	Cao đẳng	Khá	2,87	96	
342	0342	Đình Thị Thoa	13/06/1996	Nữ	Trường Mầm non Tân Quang	Xã Lục Ngạn	Cao đẳng	Khá	3,11	48	
343	0343	Vũ Thị Hồng Thoa	03/09/1989	Nữ	MN Quang Châu	Phường Nénh	Đại học	TBK	6,51	48	
344	0344	Nguyễn Thị Thơi	10/08/1996	Nữ	MN Thái Đào	Xã Tân Dĩnh	Đại học	Khá	2,85	60	
345	0345	Lê Thị Thơi	02/11/1989	Nữ	MN Thái Đào	Xã Tân Dĩnh	Cao đẳng	Khá	7,78	84	
346	0346	Nguyễn Thị Thơm	19/11/1996	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	7,42	96	
347	0347	Lưu Thị Thu	13/11/1987	Nữ	Trường MN số 1	Phường Phụng sơn	Đại học	Giỏi	3,28	94	
348	0348	Ngô Thị Thu	25/08/1991	Nữ	Trường MN Tam Dị	Bảo Đài	Cao đẳng	Giỏi	3,22	72	
349	0349	Nguyễn Thị Lệ Thu	23/01/1991	Nữ	MN Hương Sơn	Xã Kép	Đại học	Khá	2,67	36	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
350	0350	Nguyễn Thị Thu	24/8/1991	Nữ	MN Quang Minh	Hợp Thịnh	Cao đẳng	Khá	7,99	80	
351	0351	Hoàng Thị Thu	29/01/1995	Nữ	MN Tăng Tiến	Phường Nềnh	Đại học	Giỏi	3,20	50	
352	0352	Nguyễn Thị Thu	16/07/1993	Nữ	MN Hoàng Hoa Thám	xã Yên Thế	Đại học	Giỏi	3,38	94	
353	0353	Vũ Thị Thu	02/8/1990	Nữ	MN Bồ Hạ	Bồ Hạ	Cao đẳng	Giỏi	3,36	60	
354	0354	Đặng Thị Minh Thu	29/04/1976	Nữ	Trường MN Đồng Kỳ	Đồng Kỳ	Cao đẳng	Khá	3,07	30	
355	0355	Giáp Thị Thuận	18/04/1992	Nữ	Trường MN Tân Hoa	Xã Lục Ngạn	Đại học	Khá	2,56	62	
356	0356	Ngô Thị Thủy	29/10/1996	Nữ	Mầm non Xương Lâm	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	3,08	60	
357	0357	Nguyễn Thị Thủy	13/03/1991	Nữ	Trường MN Chu Điện	Lục Nam	Đại học	Khá	2,80	82	
358	0358	Nguyễn Thị Thủy	10/03/1995	Nữ	MN Việt Tiến	P. Tụ Lạn	Đại học	Khá	3,04	96	
359	0359	Nguyễn Thị Thủy	08/07/1989	Nữ	Trường MN Yên Lư	Yên Dũng	Đại học	Khá	2,80	74	
360	0360	Lê Thị Hồng Thủy	02/02/1995	Nữ	MN Quang Thịnh	Xã Kép	Đại học	Giỏi	3,23	30	
361	0361	Nguyễn Thị Thủy	16/03/1996	Nữ	MN Nội Hoàng	Phường Tiên Phong	Cao đẳng	Khá	7,40	46	
362	0362	Triệu Thị Thùy	21/06/1996	Nữ	MN Mai Trung số 2	Hợp Thịnh	Đại học	Khá	3,06	78	
363	0363	Trần Thị Thủy	19/02/1996	Nữ	Trường Mầm Non Nam Dương số 1	Nam Dương	Cao đẳng	Khá	3,02	24	
364	0364	Ngô Thị Thanh Thủy	13/10/1996	Nữ	MN Phượng sơn số 3	Phường Phượng Sơn	Cao đẳng	Khá	2,98	48	
365	0365	Tạ Thị Thùy	03/10/1991	Nữ	MN Hoàng An	xã Hoàng Vân	Đại học	Khá	3,18	78	
366	0366	Nguyễn Thị Thùy	22/01/1991	Nữ	MN Xuân Cầm	Xã Xuân Cầm	Cao đẳng	Khá	7,28	32	
367	0367	Trần Thị Thu Thủy	17/08/1995	Nữ	MN Tăng Tiến	Phường Nềnh	Cao đẳng	Khá	3,19	54	
368	0368	Nguyễn Thị Thúy	05/10/1988	Nữ	Trường MN Giáp Sơn	Xã Lục Ngạn	Đại học	Khá	3,14	54	
369	0369	Hoàng Thị Thuyền	08/02/1994	Nữ	MN Dương Đức	Mỹ Thái	Đại học	Khá	2,79	72	
370	0370	Tạ Thị Hiền Thư	01/07/1990	Nữ	MN Tân Hiệp	xã Yên Thế	Đại học	Khá	2,61	80	
371	0371	Dương Thị Thương	02/01/1990	Nữ	Mầm non Xương Lâm	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	7,50	64	
372	0372	Giáp Dạ Thương	15/06/1995	Nữ	MN Hoàng Ninh	Phường Nềnh	Đại học	Giỏi	3,23	86	
373	0373	Đào Thị Thu Trang	13/7/1993	Nữ	MN Dương Hưu	Dương Hưu	Đại học	Khá	7,76	42	
374	0374	Nguyễn Thị Trang	14/10/1990	Nữ	Trường MN Đông Phú	Đông Phú	Cao đẳng	Khá	2,86	66	
375	0375	Nguyễn Thị Trang	22/02/1987	Nữ	Trường MN Tam Dị	Báo Đài	Cao đẳng	Xuất sắc	3,70	40	
376	0376	Bùi Thị Kiều Trang	14/08/1993	Nữ	Mầm non Vôi số 2	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Giỏi	8,13	76	
377	0377	Vũ Thị Kiều Trang	24/07/1994	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Giỏi	3,36	46	
378	0378	Nguyễn Thị Trang	02/08/1991	Nữ	Mầm non Xương Lâm	Xã Lạng Giang	Đại học	TBK	6,72	96	
379	0379	Vũ Thị Hà Trang	18/9/1997	Nữ	MN Xuân Hương	Mỹ Thái	Đại học	Giỏi	3,42	90	
380	0380	Bùi Thị Trang	20/12/1994	Nữ	Trường MN Tiên Lục số 4	Tiên Lục	Cao đẳng	Giỏi	3,31	92	
381	0381	Hoàng Thị Trang	26/10/1995	Nữ	MN Tiên Lục Số 6	Tiên Lục	Cao đẳng	Khá	7,50	58	

X.H.C.
SỞ
ỘI V
Y BẮC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
382	0382	Dương Thị Trang	17/10/1990	Nữ	Trường MN Việt Ngọc	Ngọc Thiện	Đại học	Giỏi	3,47	90	
383	0383	Đàm Thị Vân Trang	06/10/1992	Nữ	Mầm Non Lương Văn Năm	Nhã Nam	Đại học	Giỏi	3,20	58	
384	0384	Nguyễn Thị Huyền	08/12/1994	Nữ	MN Hương Mai	P. Tự Lạn	Đại học	khá	7,72	78	
385	0385	Đặng Thị Trang	25/03/1993	Nữ	MN Việt Tiến	P. Tự Lạn	Cao đẳng	Khá	3,05	56	
386	0386	Nguyễn Thị Minh Trang	03/02/1998	Nữ	Trường MN Hồng Thái	Phường Việt Yên	Đại học	Khá	2,68	58	
387	0387	Vi Lệ Trang	24/02/1984	Nữ	MN Vân Hà	Vân Hà	Đại học	Khá	3,04	46	
388	0388	Dương Thu Trang	18/10/1992	Nữ	Trường Mầm non Lê Lợi	P. Bắc Giang	Đại học	Giỏi	3,39	76	
389	0389	Nguyễn Thị Huyền	15/10/1995	Nữ	Trường Mầm non Quế Nham	Đa Mai	Cao đẳng	Giỏi	7,70	56	
390	0390	Chu Thuý Trinh	13/10/1995	Nữ	MN thị trấn Thắng	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	2,94	84	
391	0391	Nguyễn Thị Tròn	12/02/1974	Nữ	MN Hương Gián	Tân Tiến	Cao đẳng	Khá	7,38	60	
392	0392	Nguyễn Thị Uyên	18/12/1995	Nữ	Mn Kiên Lao số 2	Kiên Lao	Đại học	Khá	2,97	60	
393	0393	Nguyễn Thị Vân	10/12/1995	Nữ	MN Biên Sơn	Biên Sơn	Đại học	Khá	3,01	48	
394	0394	Hoàng Thị Vân	03/02/1993	Nữ	Trường MN số 2	Phường Phụng sơn	Cao đẳng	Khá	2,92	76	
395	0395	Phạm Thị Vân	08/02/1983	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	TBK	6,72	94	
396	0396	Tô Thị Hồng Vân	20/11/1994	Nữ	MN thị trấn Thắng	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	3,14	56	
397	0397	Đỗ Thị Vân	06/10/1995	Nữ	MN Hương Lâm	Xuân Cầm	Cao đẳng	Khá	2,90	72	
398	0398	Hồ Thị Vân	10/07/1996	Nữ	MN Quang Châu	Phường Nénh	Đại học	giỏi	3,31	40	
399	0399	Nguyễn Thị Vân	20/02/1994	Nữ	MN Quảng Minh	Vân Hà	Cao đẳng	Giỏi	3,35	48	
400	0400	Hà Thị Vẹn	15/09/1989	Nữ	MN Đức Thắng	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Khá	7,34	56	
401	0401	Vũ Thị Vi	06/08/1989	Nữ	Mầm non Hương Lạc số 1	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	7,69	74	
402	0402	Vi Thị Viêt	25/01/1994	Nữ	Trường mầm non Kim Sơn	Biển Động	Đại học	TBK	6,53	74	
403	0403	Đỗ Thị Vinh	29-08-1994	Nữ	Trường MN Ngọc Châu	Ngọc Thiện	Đại học	Giỏi	3,35	86	
404	0404	Nguyễn Thị Vui	09/03/1990	Nữ	MN Dương Đức	Mỹ Thái	Đại học	Khá	2,73	28	
405	0405	Vũ Thị Mai Vy	07/01/1997	Nữ	Trường mầm non Sao Mai	P. Bắc Giang	Đại học	Khá	3,08	60	
406	0406	Trương Thị Xuân	29/9/1992	Nữ	MN Nam Dương số 2	Nam Dương	Cao đẳng	Giỏi	3,24	44	
407	0407	Dương Thị Xuân	10/06/1995	Nữ	Trường MN Bắc Lũng	Bắc Lũng	Đại học	Khá	3,05	50	
408	0408	Đào Thị Xuân	22/11/1990	Nữ	MN Tân Thanh	Mỹ Thái	Cao đẳng	Giỏi	3,24	42	
409	0409	Ninh Thị Xuân	14/12/1986	Nữ	Trường MN Tiên Lục số 3	Tiên Lục	Cao đẳng	TBK	6,90	66	
410	0410	Tạ Thị Xuân	21/7/1995	Nữ	MN Hợp Thịnh	Hợp Thịnh	Cao đẳng	Khá	3,09	62	
411	0411	Nguyễn Thanh Xuân	23/08/1995	Nữ	MN Danh Thắng	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	2,86	50	
412	0412	Nguyễn Thị Xuyên	04/01/1995	Nữ	Trường MN Chũ số 2	Phường Chũ	Cao đẳng	Giỏi	8,00	48	
413	0413	Hoàng Thị Yên	07/08/1985	Nữ	Mầm non Biển Động	Biển Động	Đại học	Khá	2,99	50	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
414	0414	Trần Thị Yên	15/11/1990	Nữ	Mầm non Biển Động	Biển Động	Đại học	TBK	6,15	52	
415	0415	Ngô Thị Hải	28/01/1995	Nữ	MN Tân Thanh	Mỹ Thái	Đại học	TBK	6,56	60	
416	0416	Nguyễn Thị Yên	20/11/1994	Nữ	Trường MN Song Vân	Ngọc Thiện	Đại học	Giỏi	3,28	38	
417	0417	Nguyễn Thị Yên	22/10/1995	Nữ	MN thị trấn Thắng	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	2,69	92	
418	0418	Nguyễn Thị Yên	04/02/1992	Nữ	MN Đoàn Bái số 1	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	2,82	54	
419	0419	Lý Thị Yên	04/04/1994	Nữ	MN Đoàn Bái số 2	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	3,13	46	
420	0420	Nguyễn Thị Yên	10/05/1997	Nữ	MN Thượng Lan	P. Tự Lạn	Cao đẳng	Khá	2,92	48	
421	0421	Trần Thị Hải	25/11/1994	Nữ	Trường MN Bích Sơn	Phường Việt Yên	Đại học	Khá	7,43	50	
422	0422	Nguyễn Thị Hải	21/07/1995	Nữ	Trường Mầm non Lê Lợi	P. Bắc Giang	Đại học	Khá	3,02	62	
423	0423	Giáp Thị Yên	07/02/1994	Nữ	Trường Mầm non Quế Nham	Đa Mai	Cao đẳng	Giỏi	3,24	58	
424	0424	Nguyễn Thị Yên	26/7/1996	Nữ	MN Tân Yên	Tân Yên	Cao đẳng	Giỏi	3,25	92	
425	0425	Nguyễn Thị Hải	07/01/1989	Nữ	Trường MN An Thượng	Tam Tiến	Đại học	Giỏi	3,21	74	

